TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 10 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyên.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Lê Xuân Thuật.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Tạ Hoàng Minh Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5//2024, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2024/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Quốc V, sinh năm 1993; STQ: Thôn Th, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ trước khi phạm tội: Không; Con ông: Trần Ngọc T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1958; Gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2024 đến ngày 25/01/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Quang C, sinh năm 1985.
Trú tại: Thôn Đ, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
2. Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1992.
Trú tại: Thôn X, xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
3. Anh Phan Bá S, sinh năm 1994.
4. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1958.
Đều trú tại: Thôn Th, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
Đều vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1972
2. Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990
Đều trú tại: Thôn Đ, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 50 phút ngày 19/01/2024, tại khu vực nhà máy xay thuộc địa phận thôn Ngh, thị trấn Y, huyện Y, Công an huyện Y kiểm tra, phát hiện: Trần Quốc V sinh năm 1993, trú tại: Thôn Thị, xã T, huyện Y đang có hành vi thu số tiền lãi 1.500.000 đồng của anh Phạm Quang C sinh năm 1985, trú tại: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y đối với khoản vay 10.000.000 đồng anh C vay V vào ngày 27/4/2022. Công an huyện Y đã lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng gồm: Thu của anh C số tiền 1.500.000 đồng; thu của V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 89M1-085.35 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0962252346.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quốc V tại thôn Th, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, kết quả thu tại tủ quần áo đặt tại phòng ngủ tầng 2 nhà Việt: 01 quyển vở ô li kích thước (24x17)cm bên trong có ghi các chữ và số tự nhiên; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 lite, màu xám.

Cùng ngày 19/01/2024, Trần Quốc V đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú, khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền nên Trần Quốc V đã cho một số người vay tiền với lãi suất là 3.667đồng/1.000.000đồng/ngày và 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tương ứng với mức 133,8%/năm và 182,5%/năm). Cụ thể như sau:

** Đối với khoản vay của anh Phạm Quang C sinh năm 1985, trú tại: thôn Đỗ Xá, thị trấn Y, huyện Y:*

- Ngày 10/4/2022, anh C đến nhà của V hỏi vay V số tiền 15.000.000 đồng thì V đồng ý. V và anh C thoả thuận lãi suất của khoản vay trên là 1.650.000đồng/tháng tương ứng với lãi suất là 3.667đồng/1.000.000đồng/ngày (tức 133,8%/năm), trả lãi vào ngày mồng 10 hàng tháng, rồi V đưa cho anh C số tiền 15.000.000 đồng. Anh C không phải viết giấy vay nợ, không phải thế chấp, cầm cố tài sản. V ghi thông tin của khoản vay này vào quyển vở ô li kích thước (24x17)cm để theo dõi. Đến kỳ trả lãi hàng thàng, anh C đến gặp trực tiếp đưa tiền hoặc chuyển trả tiền lãi vào số tài khoản 19037942492016 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) của V. Đến nay, anh C đã trả đủ 21 kỳ tiền lãi với số tiền là 34.650.000 đồng, còn nợ V 15.000.000 đồng tiền vay gốc.

- Ngày 27/4/2022, anh C mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, không rõ biển số của một người bạn xã hội (không rõ lý lịch) để đến nhà của V hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng thì V đồng ý. V và anh C thoả thuận lãi suất của khoản vay trên là 1.500.000 đồng/tháng tương ứng với lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tức 182,5%/năm), trả lãi vào ngày 27 hàng tháng, rồi V đưa cho anh C số tiền 10.000.000 đồng. V yêu cầu anh C để lại chiếc xe mô tô trên cho V giữ làm tin thì anh C đồng ý. Sau đó, V ghi thông tin của khoản vay này vào quyển vở ô li kích thước (24x17)cm để theo dõi. Đến kỳ trả lãi hàng tháng, anh C đến gặp trực tiếp đưa tiền hoặc chuyển trả tiền lãi vào số tài khoản 19037942492016 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt

Nam (Techcombank) của V. Khoảng tháng 10/2022, Việt và anh C đã thỏa thuận với nhau để cho anh C lấy chiếc xe mô tô trên về trước để trả cho người anh C đã mượn xe. Ngày 19/01/2024, anh C gọi đến số 0962252346 (thẻ sim lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng) của V để mang tiền đến trả trước cho kỳ lãi phải trả vào ngày 27/01/2024 thì V hẹn anh C đến khu vực nhà máy xay thuộc địa phận thôn Ngh, thị trấn Y, huyện Y. Tại đây, khi V đang thu số tiền lãi 1.500.000 đồng của anh C thì bị lực lượng Công an huyện Y phát hiện, lập biên bản, thu giữ vật chứng liên quan. Đến nay, anh C đã trả đủ 21 kỳ tiền lãi với số tiền là 31.500.000 đồng, còn nợ V 10.000.000 đồng tiền vay gốc.

Theo thỏa thuận, đối với khoản vay 15.000.000 đồng, tính từ ngày 10/4/2022 đến ngày 19/01/2024 (tương đương 650 ngày), anh C sẽ phải trả cho V tổng số tiền lãi là 35.145.000 đồng, còn thực tế số tiền lãi V đã thu là 34.650.000 đồng. Số tiền lãi tối đa V được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 5.342.464 đồng. Số tiền thu lời bất chính theo thỏa thuận của khoản vay trên sẽ là **29.802.536 đồng**; còn thực tế, số tiền thu lời bất chính V đã thu của anh C là **29.307.536 đồng**.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, tính đến ngày 27/01/2024 (tương đương 641 ngày), anh C đã trả cho V tổng số tiền lãi là 31.500.000 đồng (bao gồm số tiền 1.500.000 đồng trả vào ngày 19/01/2024). Số tiền lãi tối đa V được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 3.512.327 đồng. V đã thu lời bất chính số tiền **27.987.673 đồng**.

** Đối với khoản vay của anh Nguyễn Xuân T sinh năm 1992, trú tại: thôn Xuân Tảo, xã Trung Hoà, huyện Y:*

Ngày 03/3/2022, anh T đến nhà của V hỏi vay V số tiền 10.000.000 đồng thì V đồng ý. V và anh T thoả thuận lãi suất của khoản vay trên là 1.500.000đồng/tháng tương ứng với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tức 182,5%/năm), trả lãi vào ngày mồng 03 hàng tháng và cắt lãi trước 01 tháng nên V đưa cho anh T số tiền 8.500.000 đồng. Khi vay V yêu cầu ký giấy vay tiền và để lại chứng minh nhân dân của anh T cho V giữ. V ghi thông tin của khoản vay này vào quyển vở ô li kích thước (24x17)cm để theo dõi. Lần lượt đủ vào ngày mồng 03 các tháng tiếp theo, anh T đều đến gặp trực tiếp để trả tiền lãi cho V. Đến ngày 03/02/2023, anh T đã trả cho V số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và 11 kỳ tiền lãi với số tiền lãi là 16.500.000 đồng. V đã trả lại anh T chứng minh nhân dân và giấy vay tiền. Sau đó anh T đã xé giấy vay tiền vứt đi.

Như vậy, đối với khoản vay trên, tính từ ngày 03/3/2022 đến ngày 03/02/2023 (tương đương 338 ngày), số tiền lãi tối đa V được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 1.852.054 đồng. V đã thu lợi bất chính số tiền là **14.647.946 đồng**.

** Đối với khoản vay của anh Phan Bá S sinh năm 1994, trú tại: Thôn Thư Thị, xã Tân Lập, huyện Y:*

Ngày 04/4/2023, anh S đến nhà của V hỏi vay V số tiền 60.000.000 đồng thì V đồng ý. V và anh S thoả thuận lãi suất của khoản vay trên là 9.000.000 đồng/tháng tương ứng với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tức 182,5%/năm), trả lãi vào ngày mồng 04 hàng tháng, rồi V đưa cho anh S số tiền 60.000.000 đồng. Anh S không phải viết giấy vay nợ, không phải thế chấp, cầm

cố tài sản. V ghi thông tin của khoản vay này vào quyển vở ô li kích thước (24x17)cm để theo dõi. Đến ngày 04/9/2023, anh S đã trả đủ cho V 05 kỳ lãi với số tiền lãi là 45.000.000 đồng. Các tháng sau đó, do chưa có tiền nên anh S đã thoả thuận với V sẽ trả lãi sau. Đến ngày 04/01/2024, V đến nhà anh S đòi tiền thì anh S đã trả V số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và xin nợ V tiền lãi. Đến nay, anh S vẫn chưa trả cho V số tiền vay gốc còn lại là 20.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 05/9/2023 đến ngày 19/01/2024.

Theo thỏa thuận, đối với khoản vay trên, tính từ ngày 04/4/2023 đến ngày 04/01/2024 (tương đương 276 ngày) đối với số tiền vay 60.000.000đồng, anh S sẽ phải trả cho V số tiền lãi là 81.000.000 đồng, còn thực tế số tiền lãi V đã thu là 45.000.000 đồng. Số tiền lãi tối đa V được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 9.073.969 đồng. Số tiền thu lời bất chính theo thỏa thuận của khoản vay trên là **71.926.031 đồng**; còn thực tế, số tiền thu lời bất chính V đã thu của anh S là **35.750.689 đồng.**

Theo thỏa thuận, đối với khoản vay trên, tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày 19/01/2024 (tương đương 16 ngày) đối với số tiền vay gốc còn lại là 20.000.000đồng, anh S sẽ phải trả cho V số tiền lãi là 1.600.000 đồng. Số tiền lãi tối đa V được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 175.342 đồng. Số tiền thu lời bất chính theo thỏa thuận của khoản vay trên là **1.424.658 đồng**.

Như vậy tổng số tiền thu lời bất chính theo thỏa thuận của khoản vay trên là **73.350.689 đồng**; còn thực tế, số tiền thu lời bất chính V đã thu của anh S là **35.750.689 đồng.**

Tại Bản kết luận giám định số 150/KL-KTHS ngày 24/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết, chữ số trong quyển vở ô li kích thước (24x17)cm là của Trần Quốc V viết.

Kết quả điều tra xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, biển số 89M1-085.35 và chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 lite, màu xám đã thu giữ là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ch sinh năm 1958, trú tại: thôn Th, xã T, huyện Y (mẹ của V), không liên quan đến tội phạm. Bà Ch đã có đơn đề nghị nhận lại tài sản nên ngày 25/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại những tài sản này cho chủ sở hữu.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng đã thu giữ xác định là tiền của anh C dùng để trả lãi cho V nên Cơ quan điều tra đã nộp số tiền này vào tài khoản tạm gửi của Công an huyện tại Kho bạc Nhà nước huyện Y chờ xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0962252346 xác định là tài sản của V sử dụng để liên lạc, giao dịch cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng Công an huyện để chờ xử lý; còn 01 quyển vở ô li kích thước (24x17)cm V dùng để ghi thông tin, theo dõi các khoản vay hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Ngày 08/5/2024, bị cáo V nộp cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên ba giấy đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt đề ngày 04/5/2024 cho bị cáo V của anh C, anh T và anh S có nội dung như sau: Ngày 04/5/2024, anh Phạm Quang C đã trả cho bị cáo V 25.000.000 đồng

tiền vay gốc và anh Phan Bá S đã trả cho bị cáo V số tiền vay gốc còn lại là 20.000.000 đồng. Cùng ngày 04/5/2024 bị cáo V đã trả lại số tiền thu lợi bất chính đối với từng khoản vay cho các anh Phạm Quang C, anh Nguyễn Xuân T và anh Phan Bá S cụ thể là: Bị cáo V trả cho anh Phạm Quang C số tiền 57.295.209 đồng; Bị cáo V trả cho anh Nguyễn Xuân T số tiền 14.647.946 đồng; Bị cáo V trả cho anh Phan Bá S số tiền 35.750.689 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Quốc V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 49/CT-VKS-YM ngày 11/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Trần Quốc V về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Quốc V và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 92 Luật THAHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Quốc V từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng.

Giao bị cáo Trần Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo V. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y còn đề nghị về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Quốc V nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, được nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan Điều tra - Công an huyện Y và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai, do đó sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người trên.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét nơi ở của bị cáo; biên bản niêm phong vật chứng, biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 03/3/2022 đến ngày 19/01/2024 bị cáo Trần Quốc V đã cho anh Phạm Quang C, anh Nguyễn Xuân T và anh Phan Bá S vay tổng số tiền là 95.000.000 đồng với lãi suất là 3.667đồng/1.000.000đồng/ngày và 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày tương đương 133,8%/năm và 182,5%/năm, cao gấp 6,69 lần và 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính số tiền là **145.788.844 đồng**. Thực tế, bị cáo V đã thu được tổng số tiền lãi là 127.650.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là **107.693.844 đồng**. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý tiền tệ của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xét xử bị cáo với mức hình phạt thoả đáng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đáp ứng yêu cầu răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt phù hợp.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng.

Bị cáo tự ra đầu thú; có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho cải tạo tại địa phương, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt chọ bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về hình phạt*: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà sẽ áp dụng quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo và phải chịu một thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích tác dụng của hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0962252346 xác định là tài sản của bị cáo V sử dụng để liên lạc, giao dịch cho vay lãi nặng nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 quyển vở ô li kích thước (24x17)cm bị cáo V dùng để ghi thông tin, theo dõi các khoản vay xác định là tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng là số tiền bị thu giữ:

- Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu giữ là tiền lãi anh C trả cho bị cáo V ngày 19/01/2024. Đây là số tiền phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội:

- Đối với tổng số tiền gốc 95.000.000 đồng bị cáo V cho anh C, anh T và anh S vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội. Trước khi mở phiên tòa, anh C, anh T và anh S đã trả đủ số tiền vay gốc cho bị cáo V. Nên cần truy thu của bị cáo V số tiền gốc 95.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Số tiền tương ứng tiền lãi mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) do bị cáo V thu được từ việc cho anh C, anh T và anh S vay là: 8.854.791 + 1. 852.054 + 9.249.311 = 19.956.156 đồng. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo V sung ngân sách Nhà nước. Đối trừ số tiền 1.500.000 đồng đã thu giữ nên cần truy thu của bị cáo Việt số tiền 18.456.156 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Đối với các khoản tiền bị cáo thu cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự:

Số tiền bị cáo V thu lãi cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự từ những người vay cụ thể: Của anh C là 57.295.209 đồng; của anh T là 14.647.946 đồng; của anh S là 35.750.689 đồng. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo V đã trả lại số tiền này cho anh C, anh T và anh S nên không đặt ra xem xét.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 92 Luật THAHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc V 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Trần Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Quốc V.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 quyển vở ô li kích thước (24x17)cm thu của bị cáo V.

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu trắng, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0962252346 của bị cáo V phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Trần Quốc V tổng số tiền là: 95.000.000 đồng (tiền gốc cho C, T, S vay) + 19.956.156 đồng (tiền lãi ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định BLDS) =**114.956.156 đồng**. Đối trừ số tiền 1.500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo V. Còn tiếp tục phải truy thu của bị cáo V số tiền **113.456.156 đồng** (Một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn một trăm năm mươi sáu đồng) sung ngân sách Nhà nước

(*Đặc điểm, tình trạng chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/4/2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y và Công an huyện Y và Giấy ủy nhiệm chi ngày 22/4/2024*).

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quốc V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- CA, VKS, THA huyện Y;
- Bị cáo;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyên